

Số: **06/2026/QĐST- DS**

Tuyên Quang, ngày 13 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 137/2025/TLST- DS ngày 15/10/2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: - CÔNG TY CỔ PHẦN M**

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, Phường C, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T – Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo văn bản ủy quyền số 4260/2025/UQ-GĐ ngày 25/08/2025 của Giám đốc – Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần M).

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1983, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Số 298, tổ 19, đường Nguyễn Hữu Cầu, phường H, thành phố Hải Phòng.

- NGÂN HÀNG T

Địa chỉ: Tòa VPBank Tower, số 89 Láng Hạ, phường Đ, thành phố Hà Nội.
Là nguyên đơn.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T – Chức vụ: Trưởng Phòng Xử Lý Nợ (Theo Văn bản ủy quyền số 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/07/2025 của ông Ngô Chí D).

Người được uỷ quyền lại: Ông Đào Tuấn V, sinh năm 2000, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Tổ 4, Giang Biên, phường L, thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Ông **Vũ Đức C**, sinh năm 1986 và bà **Vũ Thị N**, sinh năm 1993; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường M, tỉnh Tuyên Quang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về trách nhiệm thanh toán nợ:

- Ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị N phải thanh toán cho Công ty cổ phần M tổng số tiền tính đến ngày 26/08/2025 là: 7.211.538.989 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 6.249.757.473 đồng; Nợ lãi: 696.923.619 đồng; Nợ lãi chậm trả: 27.500.614 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 237.357.283 đồng. Trong đó: Ông C phải thanh toán số tiền là 3.605.769.494 đồng (*Ba tỷ, sáu trăm linh năm triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm chín mươi tư đồng*); Bà N phải thanh toán số tiền là 3.605.769.494 đồng (*Ba tỷ, sáu trăm linh năm triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, bốn trăm chín mươi tư đồng*).

- Ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng Tg tổng số tiền tính đến ngày 26/08/2025 là: 367.062.196 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 328.934.604 đồng; Nợ lãi: 36.680.191 đồng; Nợ lãi chậm trả: 1.447.401 đồng). Trong đó: Ông C phải thanh toán số tiền là 183.531.098 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, không trăm chín mươi tám đồng*); Bà N phải thanh toán số tiền là 183.531.098 đồng (*Một trăm tám mươi ba triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, không trăm chín mươi tám đồng*).

- Ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị N phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (**Hợp đồng cho vay số LN2302088301254 ngày 09/03/2023 và khế ước nhận nợ kèm theo; Hợp đồng cho vay LN2302088302021 ngày 06/03/2023 và khế ước nhận nợ kèm theo**) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị N thực tế thanh toán hết nợ cho Mars và VPBank. Lãi phát sinh phải trả cho Mars và VPBank tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị N không trả nợ đầy đủ cho Mars và VPBank thì Mars và VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Mars và/hoặc VPBank, cụ thể như sau: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 225, tờ bản đồ số 34, địa chỉ: Phố Sáu, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 053441, số vào sổ cấp GCN: CH03931 do Ủy ban nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 31/12/2013; Chi tiết theo hợp đồng thế chấp số công chứng 953, Quyền số 01/2023TP/CC-SCC/HĐGD giữa VPBank với ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị N tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Hòa Bình.

2.2. Về án phí của vụ án: Ông Vũ Đức C và bà Vũ Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của vụ án. Ông Vũ Đức C phải chịu **53.893.006 đồng** (Năm mươi ba triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, không trăm linh sáu đồng); bà Vũ Thị Ngọc phải chịu **53.893.006 đồng** (Năm mươi ba triệu, tám trăm chín mươi ba nghìn, không trăm linh sáu đồng)”.

Nguyên đơn không phải chịu án phí của vụ án và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000776 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Trong đó: Công ty cổ phần M được trả lại **57.605.770 đồng** (Năm mươi bảy triệu, sáu trăm linh năm nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng); Ngân hàng Tg được trả lại **9.176.554 đồng** (Chín triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi tư đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 1- Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan

